

Bản án số: 290/2024/DS-PT
Ngày 13 tháng 5 năm 2024
“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý
Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1073/2023/DS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1151/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1963 – Có mặt;

Địa chỉ: C80, Tổ 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: Bên hông công viên phần mềm Quang Trung, Khu phố 1, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Q: Ông Trần Văn H¹, sinh năm 1972 – Có mặt;

Địa chỉ: 86 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Q: Luật sư Nguyễn Hồng Nhân, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn DL Pinnacle thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: C80, Tổ 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1953 – Có mặt;

Địa chỉ: 125, Tổ 13, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1956 – Vắng mặt;

Địa chỉ: K 277 ấp Tân Bản, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị T và bà Trần Thị N: Bà Trần Thị Q (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019 và ngày 12/3/2019) – Có mặt;

3.3. Bà Trịnh Thị N¹, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

3.4. Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1986 – Vắng mặt;

3.5. Chị Trần Thanh H², sinh năm 1987 – Vắng mặt;

3.6. Anh Trần Công H³, sinh năm 1989 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: C80, Tổ 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.7. Bà Trần Thị B, sinh năm 1953 – Vắng mặt;

3.8. Anh Trần Anh K, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

3.9. Chị Trần Thị Kim O, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

3.10. Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

3.11. Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1970 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: B 241, Khu phố 3A, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.12. Ông Trần Văn H⁴, sinh năm 1947 (chết ngày 03/01/2022);

Địa chỉ: BL 41, Tổ 13, Khu phố 3, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn H⁴: Bà Trần Thị B và các anh, chị: Trần Anh K, Trần Thị Kim O, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim Y (họ cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án);

3.13. Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số 01 Lê Thị Riêng, phường An Thới, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận 12: Ông Nguyễn Minh Chánh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 – Vắng mặt;

3.14. Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Số 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Văn Triều, Chuyên viên (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2021) – Có mặt;

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Q;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2018 và lời khai trong quá trình xét vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Q và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Trần Văn T¹ và Nguyễn Thị X có 05 người con gồm: Trần Thị Q, Trần Văn H, Trần Thị N, Trần Thị T, Trần Văn H⁴ (chết năm 2020, có vợ là Trần Thị B và các con là: Trần Anh K, Trần Thị Kim O, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim Y). Hai cụ đều không có con nuôi, con riêng.

Cụ T¹ chết năm 1988, cụ X chết năm 1983, đều không có làm giấy chứng tử và đều không có lập di chúc.

Tài sản của cụ T¹ và cụ X gồm nhà đất tại số C80, Tổ 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là nhà C80), trị giá 6.000.000.000 đồng. Nguồn gốc đất do cụ T mua của bà Lê Thị T⁵ năm 1962, giá 10 lượng vàng, mua bằng giấy tay nhưng nay đã thất lạc mất giấy và cụ T⁴ đã đổ nền xây nhà để gia đình cùng sinh sống đến nay. Năm 1978, ông H trốn nghĩa vụ quân sự nên bị cắt hộ khẩu khỏi gia đình, sau đó kết hôn với bà Trịnh Thị N¹ và sinh con cái. Vào thời điểm bà Q làm chủ hộ khẩu, năm 2000 thì bà Q bảo lãnh cho ông H nhập hộ khẩu vào ở trong căn nhà C80, từ đó vợ chồng ông H, bà N¹ gây khó khăn, buộc bà và các con của bà phải đi khỏi nhà. Nhà đất ông H đứng tên Giấy chứng nhận là tài sản của cha mẹ để lại, nên bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp cho ông H, bà N¹ số 797612678801222, hồ sơ gốc số 1579/2009.UB.GCN ngày 14/5/2009. Công nhận nhà đất số C80 là di sản của cụ T¹, cụ X để lại và chia thừa kế cho 05 người con của hai cụ, mỗi người hưởng 1/5 giá trị.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ nhân thân theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng.

Phần đất tranh chấp không phải là của cha mẹ, mà là do cha mẹ mượn đất của cụ Lê Văn D và nhượng nền nhà của bà T⁵, bà T⁵ không phải là chủ đất mà chỉ là người trông coi đất. Sau giải phóng thì ông là người kê khai đăng ký đất vào năm 1997 và ông là người mua đất của ông N² là con của chủ đất, ông N² có xác nhận bán đất cho ông ngày 10/3/2006. Căn nhà trước đây là vách ván, lợp tol, sau này ông xây dựng tường gạch có kết cấu như hiện nay. Ông không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn, mà chỉ đồng ý hỗ trợ cho các anh chị em mỗi người 20.000.000 đồng, riêng ông H⁴ đã chết thì vợ con ông H⁴ được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T và bà Trần Thị N trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N¹ và các anh chị: Trần Công H³, Trần Thanh H², Trần Hoàng P trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 2766/UBND-TNMT ngày 14/4/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Ủy ban nhân dân Quận 12 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho ông Trần Văn H, bà Trịnh Thị N¹ số 797612678801222, hồ sơ gốc số 1579/2009.UB.GCN ngày 14/5/2009 theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân Quận 12 xin vâng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp và sẽ thực hiện theo bản án của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1073/2023/DS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 khoản 2 Điều 34, khoản 1 Điều 37, Điều 38, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Q.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Trần Văn H tự nguyện hỗ trợ bà Trần Thị Q, Trần Thị N, Trần Thị T và ông Trần Văn H⁴ (đã chết có các đồng thừa kế của ông H⁴) mỗi người số tiền là 20.000.000 đồng. Thi hành đủ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Q có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn bà Trần Thị Q và ông Trần Văn H¹ giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chấp nhận khởi kiện của bà Q. Nhà và đất tại số C80 có nguồn gốc là của cha mẹ để lại do bà Q làm chủ hộ, ông H không sinh sống trong nhà này cho đến năm 2000 thì mới được bà Q bảo lãnh cho nhập hộ khẩu vào nhà. Ông H bồi thường hoa màu cho ông Trần Văn N², nhưng ông N² không phải là chủ đất, ông N² là con của chủ đất. Giấy ủy quyền của bà Lý Nguyệt A cho ông N² không hợp lệ vì 02 năm sau mới được chứng thực. Bản án sơ thẩm căn cứ vào quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án để cho rằng cụ T¹ và cụ X đã chia cho ông H nhà đất số C80 là không đúng, vì quyết định đình chỉ không giải quyết về nội dung; Ông H có công sức đóng góp nhưng nhà đất số C80 là của cụ T¹ và cụ X, không phải là của ông H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Q đề nghị xem xét các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc nhà đất số C80 là của cụ T¹ và cụ X nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị T⁵. Do đó, có căn cứ để xác định nhà đất C80 là di sản của cụ T¹, cụ X. Bản án sơ thẩm căn cứ vào quyết định đình chỉ để cho rằng cụ T¹, cụ X chia nhà đất C80 cho ông H là không đúng, vì quyết định đình chỉ do hết thời hiệu, không giải quyết về nội dung. Do nhà đất của cụ T¹ và cụ X nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông H là không đúng. Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông H và chia thừa kế nhà đất số C80 cho 05 người con của cụ T¹, cụ X.

Bà Trần Thị T thống nhất với lời trình bày của bà Q. Nhà đất C80 là của cha mẹ nên yêu cầu ông H phải chia thừa kế cho các anh chị em.

Bị đơn ông Trần Văn H không đồng ý kháng cáo của bà Q. Cha mẹ mua nhà của bà T⁵ chưa tới nửa tháng lương mà bà Q nói cha mẹ mua của bà T⁵ 10 lượng vàng là không đúng. Tài sản của cha mẹ cho bà Q bao nhiêu thì bà Q đã bán hết nên hiện giờ ông không hỗ trợ cho bà Q nữa, việc ông có mua hay không có mua đất của chủ đất thì đề nghị đến địa phương xác minh sẽ rõ.

Anh Trần Công H³ thống nhất ý kiến của ông Trần Văn H.

Ông Trần Văn Triều trình bày Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố và Ủy ban nhân dân Quận 12 sẽ thực hiện theo bản án của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện

đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ; về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Q đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, các đương sự vắng mặt đều là những người không có kháng cáo và sự vắng mặt của họ không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ngày 29/10/2018, nguyên đơn bà Trần Thị Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trần Văn T¹ (chết ngày 03/01/1989) và cụ Nguyễn Thị X (chết ngày 22/11/1983) và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Phần đất tranh chấp có diện tích 124,6 m² thuộc một phần Thửa đất số 2, Tờ bản đồ số 20 (tư liệu 2004), tại địa chỉ số C80, Tổ 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị N¹ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hồ sơ gốc số 1579/2009.UB.GCN ngày 14/5/2009.

Nguyên đơn bà Trần Thị Q trình bày phần đất trên là của cụ Trần Văn T¹ và cụ Nguyễn Thị X đã nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị T⁵ bằng giấy tay vào năm 1962, nhưng đã thất lạc mất giấy. Đất là của cha mẹ nên bà yêu cầu ông Trần Văn H phải chia thừa kế cho các anh chị em của bà. Ngoài lời trình bày bằng lời nói đơn phương không được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn bà Trần Thị Q không cung cấp được giấy tờ hoặc chứng cứ chứng minh diện tích đất trên là của cụ T¹ và cụ X để lại.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày diện tích đất trên không phải là của cha mẹ, mà là của vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng của chủ đất nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q.

Tại xác nhận ngày 30/12/2008 của Ủy ban nhân dân phường Đông Hưng Thuận và Tờ trình số 1122/TTr-QLĐT ngày 12/5/2009 của Phòng Quản lý đô thị Quận 12 có nội dung như sau: “*Nguồn gốc đất do ông Trần Văn L¹ và bà Lý Nguyệt A đứng bộ cũ trước năm 1975. Do đi kháng chiến, gia đình bà A giao cho ông Lê Văn D quản lý. Năm 1962, con ông D là bà Lê Thị T⁵ chuyển nhượng một nền nhà cho ông Trần Văn T¹ và bà Nguyễn Thị X. Cùng*

năm 1962, ông T¹ và bà X xây dựng nhà ở. Năm 1976, ông L và bà A về nhận lại phần đất trước đó nhờ ông D trông coi. Bà X chết năm 1983, ông T¹ chết năm 1988, con là ông Trần Văn H thừa hưởng sử dụng, tháng 8/1993 ông H xây dựng lại nhà. Đến năm 1997, ông Trần Văn N² và bà Lý Nguyệt A khiếu nại đòi lại đất. Năm 2006, ông H đã trả hoa lợi cho ông N² (theo cam kết của ông Trần Văn N² là con của ông L và bà A, được Ủy ban nhân dân phường Cô Giang, Quận 1 xác nhận ngày 10/3/2006). Tháng 4/2004, ông H có xây dựng thêm nhà vệ sinh và chái nhà để chứa đồ, sử dụng cho đến nay”. Như vậy, lời trình bày của ông H là có căn cứ. Có căn cứ để xác định diện tích 124,6 m² thuộc một phần Thửa đất số 2, Tờ bản đồ số 20 (tư liệu 2004), tại địa chỉ số C80, Tổ 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Trần Văn H bồi thường hoa lợi cho chủ cũ mà có, căn nhà hiện có trên đất là của ông H xây dựng từ năm 1993, còn căn nhà của cụ T¹ và cụ X đã không còn. Do đó có căn cứ để xác định nhà, đất tại số C.80, Tổ 16, Khu phố 3, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12 không phải là di sản của cụ Trần Văn T¹ và cụ Nguyễn Thị X, nên không có căn cứ để chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Bà Trần Thị Q kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh diện tích 124,6 m² thuộc một phần Thửa đất số 2, Tờ bản đồ số 20 (tư liệu 2004) là di sản của cụ Trần Văn T¹ và cụ Nguyễn Thị X, nên không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng vì bà Trần Thị Q là người cao tuổi nên được miễn.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Q; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1073/2023/DS-ST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Q về việc: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 797612678801222, hồ sơ gốc số 1579/2009.UB.GCN ngày 14/5/2009 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp cho ông Trần Văn H, bà Trịnh Thị N¹; Về việc yêu cầu công nhận nhà đất số C80, Tở 16, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ T¹, cụ X để lại và chia thừa kế theo pháp luật

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Trần Văn H tự nguyện hỗ trợ cho các ông, bà: Trần Thị Q, Trần Thị N, Trần Thị T mỗi người số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và ông Trần Văn H⁴ (đã chết, có các thừa kế của ông H⁴ gồm các đương sự: *Trần Thị B, Trần Anh K, Trần Thị Kim O, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim Y*) số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

3. Bà Trần Thị Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTA (28b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

